

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03-3-2021

V/v: Tranh chấp Ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mừng
2. Bà Lương Thị Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Huyền M**, sinh năm 1987

Trú tại: Khu 4, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Đức C**, sinh năm 1985

Trú tại: Khu 4, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020; Bản tự khai ngày 05/11/2020; Biên bản hòa giải và quá trình xét xử, chị Phạm Thị Huyền M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đức C đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2013 tại UBND thị trấn Quan Hóa (nay là UBND thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và trong cuộc sống. Tuy, đã được gia đình hai bên, chính quyền địa phương đã có nhiều lần tổ chức dàn xếp, hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị và

anh Lê Đức C đã quyết định sống ly thân và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm công tác, lo toan cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Lê Đức C có 02 con chung, tên các cháu là: Lê Thị Huyền T, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 27/12/2015, hiện các cháu đang ở với chị, theo chị Phạm Thị Huyền M thì anh Lê Đức C vẫn có trách nhiệm với các con. Nguyên vọng của chị muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu, cho đến khi từng cháu trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh Lê Đức C cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi từng cháu trưởng thành (Tổng là 2.000.000đ/tháng cho 02 cháu/tháng). Hình thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu án phí theo quy định.

Tại Bản tự khai ngày 05/11/2020; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Lê Đức C trình bày:

Về Hôn nhân: Anh và chị Huyền M quen nhau từ năm 2009, kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc lừa dối. Thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng sau dần thì tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Phạm Thị Huyền M không dành thời gian cho gia đình, chồng con, anh cảm tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần, mâu thuẫn xảy ra ngày càng nhiều, vợ chồng chính thức đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý với ý kiến của chị Phạm Thị Huyền M, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Huyền M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị Phạm Thị Huyền M đã trình bày. Từ nhỏ các cháu luôn ở gần bố, do bố chăm sóc và dạy dỗ. Nay anh có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành khi vợ chồng ly hôn. Anh không yêu cầu chị Phạm Thị Huyền M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản nguyện vọng của cháu Lê Thị Huyền T, thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu bố mẹ ly hôn. Cháu Lê Anh K chưa tròn 07 tuổi nên chưa có bản ghi ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho

đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân; quá trình chung sống thì anh chị cũng đã có mâu thuẫn, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh chị đã sống ly thân; hiện tại anh chị thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C có 02 con chung, tên các cháu là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 27/12/2015, hiện các cháu đang ở với mẹ. Xét thấy hiện nay anh chị đều là công chức, có việc làm ổn định, có thu nhập thường xuyên bằng nguồn lương hàng tháng và tương đối bằng nhau. Chị Phạm Thị Huyền M có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu, anh Lê Đức C cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 cháu. Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng, về điều kiện sống, thu nhập và tình cảm của bố mẹ dành cho con thì nên giao cho anh chị mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu là phù hợp, để giảm gánh nặng cho nhau và ai cũng phải có trách nhiệm với con cái. Về cấp dưỡng; Chị Phạm Thị Huyền M yêu cầu anh Lê Đức C cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, anh C không yêu cầu chị Huyền M cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, như nhận xét nói trên thì anh chị mỗi người nuôi một cháu thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những phân tích trên:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Huyền M:

Về Hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Huyền M được ly hôn với anh Lê Đức C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 17/12/2013 cho chị Phạm Thị Huyền M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 27/12/2015 cho anh Lê Đức C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; anh chị đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Sau ly hôn, chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Huyền M nộp 300.000^d án phí HNGĐ sơ thẩm.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Lê Đức C đang có hộ khẩu thường trú tại: Khu 4, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập, để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Phạm Thị Huyền M là nguyên đơn; anh Lê Đức C là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai của các đương sự, biên bản xác định mâu thuẫn, biên bản hòa giải và tại phiên tòa thì: Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/02/2013 tại UBND thị trấn Quan Hóa (Nay là UBND thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Phạm

Thị Huyền M và anh Lê Đức C đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C không thể hàn gắn và anh chị đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa, xử cho chị Phạm Thị Huyền M ly hôn với anh Lê Đức C.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C có 02 con chung tên các cháu là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 27/12/2015, các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực, các cháu đều đang ở với mẹ, tại bản ghi nguyện vọng của cháu Lê Thị Huyền T thì cháu muốn ở với mẹ; Chị Phạm Thị Huyền M có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cả 02 cháu, anh Lê Đức C cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu. Xét thấy, chị Phạm Thị Huyền M đang là công chức xã, có thu nhập thường xuyên từ lương, anh Lê Đức C đang là công chức của Trung tâm y tế huyện, có thu nhập thường xuyên từ lương, anh chị đều là người có học thức, không ai bị cấm hoặc hạn chế quyền nuôi con. Đồng thời, để giảm gánh nặng cho anh chị và để anh chị ai cũng phải có trách nhiệm với con, cũng như đề nghị của đại diện VKS. Nên HĐXX quyết định: Chấp nhận một phần về đề nghị của chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C về phần nuôi con, giao cho anh chị mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu là phù hợp; HĐXX quyết định: Giao cháu Lê Thị Huyền T, sinh này 17/12/2013 cho chị Phạm Thị Huyền M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 27/12/2015 cho anh Lê Đức C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Hai anh chị đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của chị Phạm Thị Huyền M, vì anh, chị mỗi người đều có trách nhiệm nuôi dưỡng 01 cháu và đều có thu nhập thường xuyên ngang nhau. Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định; chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền My.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Phạm Thị Huyền M ly hôn với anh Lê Đức C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01/2010 ngày 05/02/2013 của UBND thị trấn Quan Hóa (nay là UBND thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp cho anh Lê Đức C và chị Phạm Thị Huyền M không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 17/12/2013 cho chị Phạm Thị Huyền M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 27/12/2015 cho anh Lê Đức C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, chị Phạm Thị Huyền M và anh Lê Đức C đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Huyền M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004333 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND thị trấn Hồi Xuân, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Phạm Thị Huyền M;
- Bị đơn Lê Đức C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng